Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử
Email: cttdt.vpubnd@bacninh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bắc Ninh
Thời gian ký: 23.04.2019 08:20:57 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 605 /QĐ-UBND	*Bắc Ninh, ngày 19 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Dự án ĐTXD Đường trục chính đô thị, đoạn từ QL.18 đi xã Việt Hùng, xã Bằng An, huyện Quế Võ

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19.6.2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18.6.2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18.6.2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 59/2015/NĐ-CP ngày 18.6.2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31.12.2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; số 32/2015/NĐ-CP ngày 12.05.2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Số 120/2018/NĐ-CP ngày 13.9.2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10.9.2015, Số 136/2015/NĐ-CP ngày 31.12.2015, Số 161/2016/NĐ-CP ngày 02.12.2016; Số 32/2015/NĐ-CP ngày 12.05.2015;

Căn cứ Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án ĐTXD đường trục chính đô thị đoạn từ QL.18 đi xã Việt Hùng, xã Bằng An, huyện Quế Võ,

Xét Báo cáo thẩm định số 98/SXD-ĐT&HT ngày 17/4/2019 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Dự án ĐTXD đường trục chính đô thị đoạn từ QL.18 đi xã Việt Hùng, xã Bằng An, huyện Quế Võ với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Lý do duyệt điều chỉnh, bổ sung:

Để phù hợp với Đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng tỉnh Bắc Ninh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 17/10/2018).

2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung:

Các tuyến đường theo Quyết định phê duyệt dự án số 1101/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh gồm 04 tuyến, có tổng chiều dài khoảng 2.794m, cụ thể các tuyến như sau:

- Tuyến 1: Chiều dài tuyến khoảng 1.171m, điểm đầu giao với QL.18, điểm cuối kết thúc tại nút giao với đường nội thị theo quy hoạch; mặt cắt ngang điển hình rộng 36,0m = 2x10,5m (lòng đường) + 2x6m (hè đường) + 3m (dải phân cách giữa);

- Tuyến 2: Chiều dài tuyến khoảng 694,56m, điểm đầu nối tiếp tuyến đường từ QL.18 đi qua cổng Bệnh viện Đa khoa huyện Quế Võ, điểm cuối kết thúc tại

Km0+694,56, gồm 02 đoạn: Đoạn 1 dài khoảng 250,84m, mặt cắt ngang điển hình rộng 20,5m = 10,5m+ 2x5m. Đoạn 2 dài khoảng 443,72m, mặt cắt ngang điển hình rộng 36,0m = 2x10,5m (lòng đường) + 2x6m (hè đường) + 3m (dải phân cách giữa);

- Tuyến 3: Chiều dài tuyến khoảng 442m, điểm đầu giao với Tuyến 2 tại km0+17,47, điểm cuối giao với tuyến đường nội thị huyện (thuộc dự án ĐTXD đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh) tại Km0 + 246.14, mặt cắt ngang điển hình rộng 20,5m = 10,5m+ 2x5m;

- Tuyến 4: Chiều dài tuyến khoảng 486,50m, điểm đầu giao với Tuyến 1 tại Km0 + 741,13, điểm cuối tại nút giao với điểm cuối của Tuyến 2, mặt cắt ngang điển hình rộng 36,0m = 2x10,5m (lòng đường) + 2x6m (hè đường) + 3m (dải phân cách giữa).

Điều chỉnh hướng tuyến, vị trí tuyến, mặt cắt ngang điển hình của các tuyến đường và hệ thống thoát nước mưa dọc các tuyến đường, cụ thể như sau: Tổng chiều dài các tuyến khoảng 2.587m, gồm 04 tuyến:

- Tuyến 1: Chiều dài tuyến 806m, điểm đầu giao với QL.18 (tại Km11+50 theo lý trình QL.18), điểm cuối giao với tuyến đường thuộc dự án ĐTXD đường trục chính đô thị đoạn từ ĐT.279 đi Khu công nghiệp Quế Võ 3, huyện Quế Võ (đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại 1942/QĐ-UBND ngày 29/10/2018), mặt cắt ngang điển hình rộng 36,0m = 2x10,5m (lòng đường) + 2x6m (hè đường) + 3m (dải phân cách giữa);

- Tuyến 2: Chiều dài khoảng 460m, điểm đầu nối tiếp tuyến đường từ QL.18 đi qua cổng Bệnh viện đa khoa huyện Quế Võ; điểm cuối giao với tuyến đường thuộc dự án ĐTXD đường trục chính đô thị đoạn từ ĐT.279 đi Khu công nghiệp Quế Võ 3, huyện Quế Võ, mặt cắt ngang điển hình rộng 20,5m = 10,5m + 2x5,0m;

- Tuyến 3: Chiều dài khoảng 863,6m, điểm đầu giao với Tuyến 1, điểm cuối giao với tuyến đường thuộc dự án ĐTXD đường nội thị đoạn từ QL.18 đi Bằng An, huyện Quế Võ (đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 14/9/2016), mặt cắt ngang điển hình rộng 20,5m = 10,5m + 2x5,0m;

- Tuyến 4: Chiều dài khoảng 457m, điểm đầu giao với Tuyến 1, điểm cuối giao với điểm Tuyến 2, mặt cắt ngang điển hình rộng 36,0m = 2x10,5m (lòng đường) + 2x6m (hè đường) + 3m (dải phân cách giữa);

Các tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị, cấp hạng kỹ thuật 60km/h, bao gồm các hạng mục: Nền đường, mặt đường, hè đường; hệ thống thoát nước mưa; cống ngang qua đường và lăn mương hoàn trả kênh, mương thủy lợi; hệ thống hào kỹ thuật, cống cáp kỹ thuật; điện chiếu sáng; hệ thống biển báo, vạch sơn kẻ đường. Giải pháp thiết kế chính cơ bản theo Quyết định phê duyệt dự án số 1101/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh, riêng hệ thống thoát nước mưa được tính toán lại lưu vực, lưu lượng thoát nước trên cơ sở tuân thủ giải pháp thiết kế thuộc dự án ĐTXD Hệ thống tiêu thoát nước trên địa bàn huyện Quế Võ đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 26/10/2018. Giải pháp thiết kế chủ yếu như sau:

a) Nền, mặt đường, hè đường:

- Nền đường đắp bằng cát đen đầm chặt K ≥ 0,95, lớp đáy áo đường đắp bằng cấp phối đất đồi có chọn lọc thành phần hạt, đầm chặt K ≥ 1,0 dày 30cm (đối với kết cấu áo đường dày nhỏ hơn 60cm) và 50cm (đối với kết cấu áo đường dày ≥ 60cm), Eo nền đường yêu cầu ≥ 45Mpa. Trước khi đắp nền, trong phạm vi tác dụng của lòng đường tiến hành bóc lớp đất hữu cơ trong phạm vi lòng đường với chiều dày trung bình 0,3m, vét bùn tại các đoạn qua ao, hồ. Đắp bao taluy nền đường bằng đất dính dày 1,0m tận dụng, chọn lọc từ đất đào hữu cơ lòng đường, độ dốc mái taluy 1/1,5;

- Mặt đường cấp cao A1, bằng bê tông nhựa rải nóng, thiết kế với từng tuyến như sau: Đối với các tuyến đường có mặt cắt ngang điển hình rộng 36m: Thiết kế mặt đường với tải trọng trục Q = 12T/trục, Ey/c ≥ 155Mpa, kết cấu mặt đường gồm các lớp sau: Lớp bê tông nhựa hạt mịn dày 5cm; lớp bê tông nhựa hạt thô dày 7cm; lớp móng trên bằng cấp phối đá dăm loại I dày 18cm; lớp móng dưới bằng cấp phối đá dăm loại II dày 32cm. Đối với các tuyến đường còn lại có mặt cắt ngang điển hình rộng 20,5m, thiết kế mặt đường với tải trọng trục Q = 10T/trục, Ey/c ≥ 120Mpa; kết cấu mặt đường gồm các lớp sau: Lớp bê tông nhựa hạt mịn rải nóng dày 5cm; lớp bê tông nhựa hạt thô rải nóng dày 5cm; lớp móng trên bằng cấp phối đá dăm loại I dày 18cm; lớp móng dưới bằng cấp phối đá dăm loại II dày 18cm. Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn khi thi công các lớp bê tông nhựa mặt đường (tưới 0,5kg/m^2 trước khi rải lớp bê tông nhựa hạt mịn; tưới 1,0kg/m^2 trước khi rải lớp bê tông nhựa hạt thô); độ dốc ngang mặt đường 2,0% hướng về phía hè đường;

- Hè đường và dải phân cách trong giai đoạn này tạm thời đắp bằng đất đầm chặt K ≥ 0,95, tận dụng loại đất phù hợp từ đào hữu cơ; chiều rộng hè đường trước mắt là 4m (với loại mặt cắt ngang điển hình đường rộng 36m) và 3m (với loại mặt cắt ngang điển hình đường rộng 20,5m); độ dốc ngang hè đường 4% hướng về phía taluy nền đường. Trên hè đường bố trí trồng cây xanh cách nhau khoảng 7-10m; mặt hè và dải phân cách tạm thời được trồng cỏ lá tre, hệ thống rãnh đất dạng xương cá để đảm bảo thoát nước và chống xói lở;

- Ngăn cách giữa hè đường và lòng đường bằng bó vỉa vát bê tông xi măng có kích thước 26x18x100cm; đan rãnh kích thước 30x50x4cm bằng bê tông xi măng, độ dốc thay đổi từ 1-10% tạo thành dốc dọc dạng răng cưa hướng về các hố thu nước mưa; ngăn cách giữa mặt đường và dải phân cách bằng bó vỉa bê tông xi măng kích thước 18x40x100cm;

- Cao độ thiết kế được khống chế bởi cao độ đường QL.18 hiện trạng, tuyến đường hiện trạng từ QL.18 đi bệnh viện đa khoa huyện Quế Võ, đường từ QL.18 đi Bằng An (giai đoạn1, 2 đang thi công), và các tuyến đường thuộc dự án đã được phê duyệt (như: Tuyến đường từ ĐT.279 đi KCN Quế Võ 3, tuyến cống thuộc dự án Hệ thống tiêu thoát nước huyện Quế Võ...);

- Bố trí vạch sơn, biển báo hiệu đường bộ đồng bộ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ số QCVN 41: 2016/BGTVT.

b) Hệ thống thoát nước mưa:

- Nước mưa được thu gom từ mặt đường vào hệ thống ga thu nước chạy dọc theo hè đường, chảy vào hệ thống cống dọc có đường kính từ D600 đến D2000, hướng thoát nước về phía Tuyến 1, sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực (các kênh thoát nước cuối Tuyến 1, thoát vào kênh tiêu Hiền Lương);

- Tại các vị trí giao với kênh tưới, tiêu thuỷ lợi N3, thiết kế hoàn trả bằng cống hộp BTCT kích thước BxH = (1,5x2)m, lưu lượng tưới của kênh đảm bảo Q=1.45m3/s. Hoàn trả một số kênh tưới tiêu khác cắt qua các tuyến đường.

c) Hệ thống hào kỹ thuật, cống cáp kỹ thuật, hệ thống điện chiếu sáng đường: Giải pháp thiết kế tuân thủ theo Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

* Các nội dung khác của báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo Quyết định phê duyệt dự án số 1101/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh

3. Tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung: Giá trị tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung được thẩm định là 144.495.138.000đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn tỷ, bốn trăm chính mươi năm triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng chẵn), giảm 22.612.025.000đồng so với TMĐT đã được phê duyệt tại QĐ số 1101/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh. Cụ thể như sau:

Nội dung chi phí	Theo QĐ số 1101/QĐ-UBND ngày 11/7/2018	Giá trị duyệt định điều chỉnh, bổ sung	Tăng/giảm (-)
- Chi phí xây dựng:	98.555.514.468	87.447.210.000	-11.108.304.468
- Chi phí QLDA:	1.797.653.000	1.684.233.000	-113.420.000
- Chi phí tư vấn ĐTXD	4.708.435.000	4.232.692.000	-475.743.000
- Chi phí khác:	6.213.000.000	5.342.368.000	-870.632.000
- GPMB:	40.641.000.000	32.652.713.000	-7.988.287.000
- Dự phòng (10%):	15.191.560.247	13.135.922.000	-2.055.638.247
TMĐT	**167.107.162.715**	**144.495.138.000**	**-22.612.024.715**

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, UBND huyện Quế Võ, Ban quản lý dự án huyện Quế Võ và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.XDCB, KTTH; CVP, các P.CVP.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Nhường